**TÒA ÁN NHÂN DÂN**
**THỊ XÃ BÌNH MINH**
**TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2020/HS-ST
Ngày: 18-3-2020

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BÌNH MINH, TỈNH VĨNH LONG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***
*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Màu
*Các Hội thẩm nhân dân:*
Ông Bùi Văn Khanh
Ông Sơn Mứt

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Bùi Thị Hồng Tiếm – Thư ký Toà án nhân dân thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Bình Minh tham gia phiên tòa:*** Ông Huỳnh Văn Nhãn - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 3 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 09/2020/TLST-HS ngày 17 tháng 02 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2020/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 3 năm 2020 đối với bị cáo:

**Trần Trung T (Th)**, sinh năm 1990 tại Bình Minh, Vĩnh Long; Nơi cư trú: Tổ 12, ấp Đông Hưng 1, xã Đ, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hoá: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Quang Tù và bà Lê Thị Út C; vợ Nguyễn Thị Tá và có 01 người con sinh năm 2009; anh, chị, em ruột có tất cả 02 người; tiền sự: Không; tiền án: 02 lần.Vào ngày 24/5/2016, bị Tòa án nhân dân quận Cái Răng, TP. Cần Thơ xử phạt 01 năm 03 tháng tù về tội trộm cắp tài sản và ngày 08/12/2017, bị Tòa án nhân dân thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long xử phạt 01 năm tù về tội trộm cắp tài sản (chấp hành xong hình phạt tù vào ngày 06/10/2018); Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 06/11/2019 đến nay, có mặt tại phiên tòa.

*- Bị hại:*
1. Ông Nguyễn Thành N (Mười S), sinh năm 1965; Vắng mặt
Nơi cư trú: Tổ 6, ấp Đông Hưng 2, xã Đ, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long.

2. Chị Phạm Phúc D, sinh năm 1977; Vắng mặt

Nơi cư trú: Số 598/6P, khóm 3, phường 3, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

Chỗ ở hiện nay: Tổ 12, ấp Đông Thạnh B, xã Đ, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long.

3. Anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1980; Vắng mặt

Nơi cư trú: Tổ 1, ấp Bình Thuận 1, xã H, huyện L, tỉnh Vĩnh Long.

Chỗ ở hiện nay: Tổ 12, ấp Đông Thạnh B, xã Đ, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long.

4. Anh Bùi Minh K, sinh ngày 08/01/2002; Vắng mặt

Nơi cư trú: Tổ 6, ấp Tân Phú, xã S, huyện C, tỉnh Bến Tre.

Chỗ ở hiện nay: Tổ 12, ấp Đông Thạnh B, xã Đ, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long.

- *Người đại diện hợp pháp của bị hại Bùi Minh Khoa:*

Bà Nguyễn Thị Kh, sinh năm 1960; Vắng mặt

Nơi cư trú: Tổ 6, ấp Tân Phú, xã S, huyện C, tỉnh Bến Tre.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1974; Vắng mặt

Nơi cư trú: Tổ 6, ấp Đông Hòa 2, xã Đ, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long.

2. Chị Nguyễn Thị Tá, sinh năm 1988; Có mặt

Nơi cư trú: Tổ 17, ấp Đông Thạnh C, xã Đ, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long.

3. Chị Lê Thị Út C, sinh năm 1968; Có mặt

Nơi cư trú: Tổ 12, ấp Đông Hưng 1, xã Đ, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long.

4. Ông Trần Quang Tù, sinh năm 1961; Có mặt

Nơi cư trú: cùng địa chỉ chị Lê Thị Út C

- *Người làm chứng:*

Chị Ngô Thị P, sinh năm 1972; Vắng mặt

Nơi cư trú: Tổ 02, ấp Đông Thạnh A, xã Đ, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bản thân Trần Trung T đã có 02 tiền án về hành vi trộm cắp tài sản (chưa được xóa án tích), để có tiền tiêu xài, T đã thực hiện nhiều hành vi lấy trộm tài sản của người khác. Cụ thể như sau:

Vào khoảng 00 giờ ngày 24/9/2019, T điều khiển xe mô tô biển số 64E1 - 150.48 từ nhà đi ra quốc lộ 54 để tìm tài sản lấy trộm. Khi T chạy xe đến quán nước tên 10 Sài gòn của ông Nguyễn Thành N, sinh năm: 1965 thuộc tổ 6, ấp Đông Hưng 2, xã Đ, TX. B, Vĩnh Long (ở cặp quốc lộ 54) thì T thấy cửa hàng rào phía trước quán đã khóa, nên T dừng xe lại rồi T trèo rào đi vào trong quán tìm tài sản để lấy trộm. T đi vào trong quán tìm kiếm xung quanh thì T thấy vợ chồng ông N đang nằm ngủ trên giường cùng với đứa cháu và thấy trên đầu giường ngủ có để 01

cái điện thoại di động hiệu Samsung Galxy J5 của ông N, nên T lấy cây kéo cắt mùng ngủ rồi thò tay vào lấy cái điện thoại di động Samsung Galaxy J5 của ông N bỏ vào trong túi quần. Sau khi lấy trộm được điện thoại, T trèo rào ra ngoài và để điện thoại vừa lấy trộm được vào trong cốp xe, rồi T điều khiển xe đến quán nước của chị Nguyễn Thị T, sinh năm: 1974 ở ấp Đông Hòa 2, xã Đ, thị xã B, Vĩnh Long để tìm tài sản lấy trộm tiếp. Khi đến quán chị T, T dựng xe ngoài hàng rào (trước nhà chị T), rồi T lấy cây kềm (T mang theo) cắt lưới hàng rào B40 chui vào trong quán. T mở đèn điện thoại Samsung Galaxy A10 (T mang theo) để gọi tìm tài sản lấy trộm, T chưa kịp lấy trộm được tài sản gì thì bị chị T phát hiện báo cho Công an xã Đông Thành đến truy bắt T, nhưng T đã chạy thoát.

Tang vật thu giữ gồm:

- 01 chiếc xe mô tô biển số 64E1 - 150.48;
- 01 cái nón bảo hiểm màu xanh;
- 01 cái áo khoác màu xanh đen;
- 01 đôi dép màu đen đã qua sử dụng;
- 01 cái điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy J5 (được để trong cốp xe mô tô biển số 64E1 - 150.48).

Qua quá trình điều tra: Trần Trung T đã thừa nhận toàn bộ hành vi lấy trộm 01 cái điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy J5 của ông N và có đến nhà chị T tìm tài sản để lấy trộm. Ngoài ra, T còn khai nhận trước đó có thực hiện hành vi lấy trộm tài sản tại nhà của chị Phạm Phúc D, cụ thể như sau:

Khoảng 01 giờ ngày 27/6/2019, T điều khiển xe mô tô biển số 64E1 - 150.48 từ nhà đi đến khu vực chợ Giáo Mẹo (xã Đông Thạnh) để tìm tài sản lấy trộm. Khi T đi đến công viên xã Đông Thạnh thì T để xe lại, rồi T đi bộ đến khu vực thuộc tổ 12, ấp Đông Thạnh B, xã Đ, thị xã B, Vĩnh Long thì T thấy nhà của chị Phạm Phúc D, sinh năm: 1977 có bán tiệm tạp hóa và phía trước nhà có cửa rào được làm bằng lưới B40 đã khóa, nên T dùng kềm (T mang theo) cắt lưới B40 chui vào nhà chị D tìm tài sản để lấy trộm. T vào nhà chị D tìm kiếm xung quanh thì thấy có 01 cái hộp thiết được để trên thùng bia (trước nhà), T mở hộp thiết ra thấy bên trong có số tiền là 250.000 đồng và nhiều thẻ cào điện thoại (mạng Vinaphone, Mobiphone và Viettel có mệnh giá từ 10.000 đồng đến 100.000 đồng) có tổng giá trị là 850.000 đồng, nên T lấy số tiền và thẻ cào này bỏ vào trong túi quần. T đi tiếp vào phía trong thì T thấy anh Bùi Minh K, sinh ngày: 08/01/2002 (là em họ của chị D) đang nằm ngủ trong mùng (trước nhà) và anh K có để 01 cái điện thoại di động hiệu OPPO A3S ở trên đầu nằm, nên T dùng lưỡi lam (T mang theo) rọc

mùng rồi thò tay vào lấy cái điện thoại di động hiệu OPPO A3S của anh K. Lấy điện thoại xong, T tiếp tục đi vào trong phòng ngủ của chị D lấy trộm: 01 cái ví da hiệu Baliba (bên trong có số tiền là 650.000 đồng và 01 chiếc nhẫn bằng kim loại màu trắng) để trong túi áo, 01 cái giỏ xách bằng vải của chị D được để trên sào treo quần áo và 01 cái ví da hiệu Baliba (bên trong có số tiền là 300.000 đồng và giấy tờ xe) của anh Nguyễn Văn Đ (chồng chị D) được để trong tủ. Sau khi lấy trộm được tài sản, T đi bộ lại công viên xã Đông Thạnh lấy tiền trong ví của chị D và anh Đ ra, sau đó T ném bỏ 02 cái ví, 01 cái giỏ sách và 01 chiếc nhẫn tại công viên rồi T điều khiển xe đi về nhà.

Căn cứ kết luận định giá tài sản số 72/KL.ĐGTS ngày 26/9/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thị xã Bình Minh kết luận: *"01 cái điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy J5 mà T lấy trộm của ông N có giá trị là 1.497.000 đồng"*.

Căn cứ kết luận định giá tài sản số 74/KL.ĐGTS ngày 15/10/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thị xã Bình Minh kết luận: *"02 cái ví da hiệu Baliba, 01 cái giỏ xách bằng vải, 01 chiếc nhẫn bằng kim loại màu trắng và 01 cái điện thoại di động hiệu OPPO A3S mà T lấy trộm của chị D, anh Đ và anh K có tổng giá trị là 4.505.000 đồng"*.

Như vậy, tổng số tài sản mà T lấy trộm trong nhà chị D có giá trị là: 6.555.000 đồng (bao gồm số tiền là 1.200.000 đồng T lấy trong hộp thiết, trong ví và nhiều thẻ cào điện thoại có giá trị là 850.000 đồng).

*Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có ý kiến hay khiếu nại gì về kết luận của Hội đồng định giá nêu trên.*

Tại bản cáo trạng số 12/CT-VKSBM ngày 17/02/2020 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Bình Minh đã truy tố Trần Trung T (Th) để xét xử về tội "Trộm cắp tài sản" quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015 *(Sửa đổi, bổ sung năm 2017)*.

*Tại phiên toà sơ thẩm hôm nay:*

Bị cáo T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng đã nêu, bị cáo nhận thấy hành vi của mình là vi phạm pháp luật và xin giảm nhẹ hình phạt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Bình Minh vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng như nội dung bản Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015; các điểm b, r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 54, Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015 *(Sửa đổi, bổ sung năm 2017);*

đề nghị xử phạt bị cáo Trần Trung T (Th) từ 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng đến 02 (Hai) năm tù. Đồng thời xử lý vật chứng theo quy định của pháp luật.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Xin giảm nhẹ hình phạt.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên và thành viên Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Trần Trung T (Th) khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng đã nêu. Lời khai của bị cáo phù hợp với biên bản tiếp nhận tin báo về tội phạm, biên bản và kết luận định giá tài sản, biên bản khám nghiệm hiện trường, sơ đồ hiện trường, lời khai của người bị hại và người làm chứng cùng các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, thể hiện: Bản thân Trần Trung T là đối tượng đã có 02 tiền án về tội trộm cắp tài sản chưa được xóa án tích. Do không có tiền tiêu xài, nên vào khoảng 01 giờ ngày 27/6/2019, T điều khiển xe mô tô biển số 64E1 - 150.48 đi đến nhà của chị Phạm Phúc D ở tổ 12, ấp Đông Thạnh B, xã Đ, thị xã B, Vĩnh Long lén lúc lấy trộm số tiền là 1.200.000 đồng, nhiều thẻ cào điện thoại có giá trị là 850.000 đồng, 02 cái ví da, 01 cái giỏ xách, 01 chiếc nhẫn bằng kim loại màu trắng và 01 cái điện thoại di động hiệu OPPO A3S của chị D, anh Đ và anh K. Tổng số tài sản mà T lấy trộm trong nhà chị D có giá trị là: 6.555.000 đồng. Đến ngày 24/9/2019, T tiếp tục điều khiển xe mô tô biển số 64E1 - 150.48 đến quán nước của ông Nguyễn Thành N, ở tổ 6, ấp Đông Hưng 2, xã Đ, thị xã B, Vĩnh Long lén lúc lấy trộm 01 cái điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy J5 của ông N có giá trị là 1.497.000 đồng thì bị phát hiện.

[3] Đánh giá tính chất vụ án là nghiêm trọng do bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự thực hiện với lỗi cố ý, vì muốn có tiền tiêu xài bị cáo đã lợi dụng đêm khuya lén lút đột nhập vào nhà người khác để lấy trộm tài sản, bị cáo có tiền án được cải tạo giáo dục nhưng không chịu sửa chữa cho bản thân để trở thành người công dân tốt có ích cho gia đình và xã hội mà tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo nhận thức hành vi bị cáo thực hiện sẽ có tội bị pháp luật

xử lý nhưng bất chấp pháp luật, mặt cho hậu quả xảy ra, hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của người khác một cách trái pháp luật, làm ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương. Vì vậy cần phải có mức án tương xứng thích đáng đối với hành vi và tính chất mức độ phạm tội do bị cáo gây ra nhằm trừng trị riêng đối với bị cáo và răn đe phòng ngừa chung trong xã hội.

[4] *Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt đối với bị cáo:* Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, gia đình bị cáo đã bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả cho bị hại và được người bị hại làm đơn bãi nại cho bị cáo, ngoài ra, bị cáo còn tự khai ra hành vi lấy trộm tài sản tại nhà của chị D nên cần áp dụng các điểm b, r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Do bị cáo phạm tội 02 lần trở lên nên áp dụng điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015 tăng nặng hình phạt đối với bị cáo.

Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo do bị cáo không có tài sản để thi hành.

[5] *Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng*:

- Đối với cái điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy J5 của ông N bị mất trộm, được Cơ quan điều tra Công an thị xã Bình Minh thu hồi về định giá rồi trả lại cho ông N xong, nên ông N không có yêu cầu gì thêm và đã làm đơn xin bãi nại cho bị cáo.

- Đối với số tiền 1.200.000 đồng, số thẻ cào điện thoại (có giá trị là 850.000 đồng), 01 chiếc nhẫn bằng kim loại màu trắng của chị D, anh Đ và 01 cái điện thoại di động hiệu OPPO A3S của anh K bị mất trộm, thì mẹ ruột của T là bà Lê Thị Út C đã bồi thường, khắc phục cho chị D số tiền là 2.350.000 đồng và anh K số tiền là 3.901.000 đồng, nên chị D, anh Đ và anh K không có yêu cầu bồi thường gì thêm. Chị D đã làm đơn xin bãi nại cho bị cáo. Đối với số tiền mà bà C đã bồi thường cho chị D và anh K bà C cũng không có yêu cầu gì với bị cáo T nên không đặt ra xem xét. Còn 02 cái ví da và 01 cái giỏ xách của chị D và anh Đ bị T lấy trộm thì chị D và anh Đ đã nhặt lại được nên không có yêu cầu gì.

- Đối với cái mùng ngủ của ông N và chị D bị T làm rách, thì ông N và chị D không có yêu cầu T bồi thường, nên không đặt ra xem xét.

- Đối với hàng rào lưới B40 của chị D và chị T bị T cắt đứt, thì chị D và chị T không có yêu cầu T bồi thường, nên không đặt ra xem xét.

- Đối với 01 cái nón bảo hiểm, 01 cái áo khoác, 01 đôi dép mà Công an thu giữa là của T, không có liên quan đến vụ án, nên Cơ quan điều tra đã trả lại cho T xong.

- Đối với cây kềm và lưỡi lam là công cụ mà T sử dụng để đi lấy trộm, thì T đã bỏ mất, nên Cơ quan điều tra không thu hồi để xử lý.

- Đối với 01 cái điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy A10 là của vợ T tên là Nguyễn Thị Tá. Việc T sử dụng điện thoại này để đi lấy trộm thì chị Tá không biết, nghĩ nên trả lại điện thoại cho chị Tá.

- Đối với chiếc xe mô tô biển số 64E1 - 150.48 là xe do T đứng tên, tại phiên toà hôm nay ông Trần Quang Tù và bà Lê Thị Út C là cha mẹ của bị cáo T khai rằng chiếc xe trên mua từ nguồn tiền ông Tù vay ngân hàng là 30.000.000 đồng để cải tạo vườn cam, vay ngày 19/11/2018 tại ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn việt Nam - Chi nhánh Thị xã Bình Minh- PGD Đông Bình, ông Tù và bà C đi mua xe nhưng để cho T đứng tên để sử dụng chung trong gia đình do ông bà không đứng tên để cho con tên T đứng tên để làm phương tiện đi lại hàng ngày và T sử dụng chiếc xe này làm phương tiện đi trộm cắp tài sản thì ông bà không hay biết. Xét thấy chiếc xe trên tuy bị cáo T đứng tên bị cáo T cũng thừa nhận tiền mua xe của cha mẹ vay tiền đi mua để bị cáo đứng tên sử dụng chung cho gia đình, ông Tù và bà C chứng minh tiền ông bà xuất ra đi mua xe để bị cáo đứng tên, việc bị cáo sử dụng xe làm phương tiện đi trộm cắp tài sản thì ông bà không biết. Do đó nghĩ cần trả lại chiếc xe trên cho ông Tù, bà C.

[6] *Về án phí*: Bị cáo phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

**1**. *Tuyên bố:* Bị cáo **Trần Trung T (Th)** phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015; các điểm b, r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015 *(Sửa đổi, bổ sung năm 2017);*

Xử phạt: **Trần Trung T (Th)** 02 (Hai) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 06/11/2019.

Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

**2.***Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng*: Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Chấp nhận việc Cơ quan điều tra - Công an thị xã Bình Minh trả lại cho ông Nguyễn Thành N 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy J5, ông N nhận tài sản xong không có yêu cầu gì thêm nên không đặt ra xem xét.

Đối với số tiền 1.200.000 đồng, số thẻ cào điện thoại (có giá trị là 850.000 đồng), 01 chiếc nhẫn bằng kim loại màu trắng của chị D, anh Đ và 01 cái điện thoại di động hiệu OPPO A3S của anh K bị mất trộm, thì mẹ ruột của T là bà Lê Thị Út C đã bồi thường, khắc phục cho chị D số tiền là 2.350.000 đồng và anh K số tiền là 3.901.000 đồng, nên chị D, anh Đ và anh K không có yêu cầu bồi thường gì thêm.

Đối với số tiền mà bà C đã bồi thường cho chị D và anh K bà C cũng không có yêu cầu gì đối với T nên không đặt ra xem xét.

Đối với 02 cái ví da và 01 cái giỏ xách của chị D và Đ bị T lấy trộm thì chị D và anh Đ đã nhặt lại được nên không có yêu cầu gì.

Chấp nhận việc ông N và chị D không yêu cầu bồi thường đối với cái mùng ngủ của ông N và của chị D bị T làm rách nên không đặt ra xem xét.

Chấp nhận việc chị D và chị T không yêu cầu bồi thường đối với hàng rào lưới B40 của chị D và chị T bị T cắt đứt nên không đặt ra xem xét.

Chấp nhận việc Cơ quan điều tra - Công an thị xã Bình Minh trả lại cho bị cáo T 01 cái nón bảo hiểm, 01 cái áo khoác, 01 đôi dép do không có liên quan đến vụ án.

Hoàn trả cho chị Nguyễn Thị Tá 01 cái điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy A10 màu xanh, có số Imel 1: 357186107501187 và số Imel 2: 357187107501185.

Trả lại cho ông Trần Quang Tù và bà Lê Thị Út C 01 chiếc xe mô tô hiệu Yamaha (loại Exciter) biển số 64E1 - 150.48 có số máy: 55P1-347193 và số khung RLCE55P10Y-347179 xe do bị cáo T đứng tên.

Vật chứng trên Cơ quan thi hành án dân sự thị xã Bình Minh đang tạm giữ theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 24/02/2020.

**3**. *Về án phí hình sự sơ thẩm*: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Buộc bị cáo Trần Trung T (Th) phải nộp án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng (*Hai trăm ngàn đồng*).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**4**. *Về quyền kháng cáo đối với bản án*: Bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bị hại, người đại diện hợp pháp bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày giao bản án hoặc niêm yết tại chính quyền địa phương, có quyền kháng cáo đến Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm./.

***Nơi nhận:***
- VKS, TAND TVL;
- CA, VKS, THADS TXBM;
- Sở Tư Pháp tỉnh Vĩnh Long;
- Phòng hồ sơ Công an TVL;
- Trại giam, Bị cáo, các đ/s;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
**Đã ký**

**Nguyễn Thị Màu**